

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

SỞ GD & ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: *NGỮ VĂN 12*

Năm học: 2025 – 2026

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc	- Văn bản thơ	4	2	15%	3	30%	1	15%	60%
		Nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm truyện.	1	10%		15%		15%		
Tỉ lệ				25%		45%		30%		100
Tổng			6	100%						

2. Bảng đặc tả:

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ	Nhận biết: - Nhận biết thể thơ. - Nhận biết nhân vật trữ tình. - Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu của bài thơ. Thông hiểu: - Nêu được nội dung, chủ đề của bài thơ - Phân tích được các biện pháp tu từ trong văn bản và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này. - Lí giải được vai trò của những	2	3	1

			chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ. - Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Vận dụng: - Thể hiện suy nghĩ cá nhân về một vấn đề của tác phẩm.			
2	Viết	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/tác phẩm văn học	Nhận biết: - Giới thiệu được ngắn gọn, đầy đủ về hai đoạn trích/ tác phẩm văn học. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của bài văn nghị luận. - Sử dụng các thao tác lập luận chính gồm so sánh, đánh giá trong bài viết. Thông hiểu: - Lựa chọn được những căn cứ, cơ sở hợp lí, khoa học để so sánh. - Phân tích, chỉ ra được những điểm giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/tác phẩm văn học. - Lí giải được lí do dẫn tới sự giống và khác nhau. Vận dụng: Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của sự giống và khác nhau giữa hai văn bản theo quan điểm riêng của cá nhân. - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.			

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Hình thức bài thi: tự luận
2. Thời gian: 90 phút
3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết

*** Phần I: Đọc hiểu (6,0 điểm):**

- **Ngữ liệu :** là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại thơ
- **Yêu cầu:**
 - + Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại thơ ...
 - + Cần rèn luyện kỹ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết và thông hiểu.
 - + Cần rèn luyện kỹ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm 1 câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng

*** Phần II: Viết (6,0 điểm):**

Nghị luận văn học

- **Về kiến thức:**
 - + Kiến thức là một tác phẩm / đoạn trích truyện không có trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn 12
- **Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:**
 - + Kỹ năng viết một bài văn nghị luận so sánh, đánh giá 2 tác phẩm/ đoạn trích truyện
Dung lượng: 500 chữ

II. HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG VIẾT BÀI SO SÁNH HAI TÁC PHẨM/ ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN

I. LÝ THUYẾT

- Bố cục bài viết gồm ba phần:

Mở bài:	- Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng so sánh: tên hai tác phẩm, hai tác giả. - Nêu vấn đề cần so sánh.
Thân bài:	<i>Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm / đoạn trích truyện. Có thể lần lượt chỉ ra những điểm tương đồng/ khác biệt trên từng khía cạnh của nội dung, vấn đề.</i>
	Triển khai cụ thể như sau: * Khái quát chung - Giới thiệu vài nét về hai tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi).
	- Giới thiệu vài nét về hai tác phẩm: + Hoàn cảnh ra đời (Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi). + Đề tài, chủ đề, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,... (Căn cứ vào văn bản). - Khái quát điểm giống và điểm khác nhau được thể hiện qua hai tác phẩm/đoạn trích. * So sánh, đánh giá hai tác phẩm - Luận điểm 1. Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ nhất theo phương diện đã xác định + Nội dung: đề tài, chủ đề, nhân vật... + Nghệ thuật: Ngôi kể, cách xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu ...

	- Luận điểm 2. Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ hai trong sự so sánh với đối tượng thứ nhất theo từng phương diện. + Nội dung: ++ Đề tài, chủ đề của tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất. ++ Hình tượng nhân vật trữ trong tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất. + Nghệ thuật: Ngôi kể, ngôn ngữ, , giọng điệu, cách xây dựng hình tượng nhân vật... Điểm khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất. - Luận điểm 3. Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa. + Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt: ++ Bối cảnh thời đại. ++ Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học. ++ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả. + Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt: ++ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại. ++ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học. * Đánh giá: - Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định
	giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. - Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.
Kết bài:	Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.

		điểm tương đồng, khác biệt: + Bối cảnh thời đại + Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học + Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả - Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt + Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại. + Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.	++ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả - Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt ++ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại. ++ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.	
	Đánh giá	- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. - Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả		
Kết bài		- Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm - Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.		

2. THỰC HÀNH

I. Đọc hiểu (6,0 điểm) Đọc văn bản sau :

<i>Hôm qua em đi tỉnh về Đội em ở mãi con đê đầu làng Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!</i> <i>Nào đâu cái yếm lụa sồi? Cái dây lưng dũi nhuộm hồi sang xuân? Nào đâu cái áo tứ thân? Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?</i>	<i>Nói ra sợ mất lòng em Van em em hãy giữ nguyên quê mùa Như hôm em đi lễ chùa Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!</i> <i>Hoa chanh nở giữa vườn chanh Thầy u mình với chúng mình chân quê Hôm qua em đi tỉnh về Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều (Chân quê, Nguyễn Bính)</i>
---	---

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình .

Câu 3. Em hiểu như thế nào về nội dung hai dòng thơ sau: " *Hoa chanh nở giữa vườn chanh*

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu được sử dụng trong hai câu dòng thơ sau:

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

Câu 5. Chàng trai thể hiện thái độ gì trong hai câu thơ sau:

*Nói ra sợ mất lòng em,
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.*

Câu 6. Từ nội dung của văn bản, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện đại ngày nay. (Trả lời bằng đoạn văn 5-7 câu)

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Đoạn trích 1.

(Lược dẫn: Dung là con thứ bốn trong gia đình bị sa sút kinh tế. Nàng lớn lên trong sự hờ hững, lạnh nhạt của gia đình. Rồi bị mẹ già bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc.)

Khốn nạn cho Dung từ bé đến nay không phải làm công việc gì nặng nhọc, bây giờ phải tát nước, nhỏ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi. Chồng nàng thì cả ngày thả diều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì ghê gớm lắm, thi nhau làm cho nàng bị mắng thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá, ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại đay nghiến:

-Làm đi chứ, đừng ngồi đấy mà sụt sịt đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

- Bây giờ là người nhà tao rồi thì phải làm. Mấy trăm bạc dẫn cưới, chứ tao có lấy không đâu.

Dung chỉ khóc, không dám nói gì. Nàng đã viết ba bốn lá thư về kể nỗi khổ sở của nàng, nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

(Lược dẫn: Dung ăn trộm tiền của mẹ chồng để trốn về nhà nhưng bị mẹ để đay nghiến. Sáng hôm sau, mẹ chồng xuống tìm nàng.)

Bị khổ quá, nàng không khóc được nữa. Nàng không còn hy vọng gì ở nhà cha mẹ nữa. Nghĩ đến những lời đay nghiến, những nỗi hành hạ nàng phải sẽ chịu, Dung thấy lạnh người đi như bị sốt. Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ.

Nàng không nhớ rõ gì. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ, Dung lơ mơ thấy cái thành cầu, thấy giòng nước chảy. Trĩ nàng sắc lại khi ước lạnh đập vào mặt, nàng uất ức lịm đi, thấy máu đỏ trào lên, rồi một cái màn đen tối kéo đến che lấp cả.

Bỗng nàng mơ màng nghe thấy tiếng nhiều người, tiếng gọi tên nàng, một làn nước nóng đi vào cổ. Dung ú ớ cự mình muốn trả lời.

[...] Hai hôm sau, Dung mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ nàng, hỏi có vẻ gay gắt thêm:

- Cô định tự tử để gieo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào, trời có mắt chứ đã dễ mà chết được. Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về?

Dung buồn bã trả lời:

Con xin về. (Trích “Hai lần chết”, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2008, tr. 75 -84)

Lược dẫn: Dì Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ của dì chết đã lâu. Mẹ đẻ dì là bà xã Vận. Dù công việc buôn bán thuận lợi nhưng vì phải nuôi hai đứa con nheo nhóc cùng với đồng nợ chồng chất nên bà để dì Hảo đi ở. Mới đầu về nhà mẹ nuôi, dì Hảo khóc ghê lắm nhưng rồi cũng quen dần và trở thành một người con gái rất ngoan đạo. Đến khi lấy chồng, dì dành cho chồng tất cả tình yêu thương nhưng chồng dì lại là một kẻ cờ bạc, rượu chè, vũ phu, không yêu dì.)

Hắn khinh dì là đứa con nuôi, còn hắn là con dòng cháu giống. Và tuy rằng nghèo xác, hắn nhất định không làm gì. Hắn lấy vợ để cho vợ nó nuôi. Dì Hảo cũng nghĩ đúng như thế ấy; dì làm mà nuôi hắn. Người vợ đảm đang ấy kiếm mỗi ngày được hai hào, dì ăn có năm xu. Còn một hào thì hắn dùng mà uống rượu. Và dì Hảo sung sướng lắm. Và gia đình vui vẻ lắm. Nhưng sự tai ác của ông trời bắt dì đẻ một đứa con.

Đứa con chết, mà dì thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. Người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc ấy.

Nhưng mới đầu hắn chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm. người ta vẫn có thể đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng thế. Đến lúc ấy thì hắn không nhận được nữa. Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi những nhà giàu, hắn chửi số kiếp hắn, và sau cùng thì chửi vợ. Ô! Hắn chửi nhiều lắm lắm, một bữa đôi rượu rồi tình cờ có một bữa rượu say.

Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ đi bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm nợ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gầy dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở. (Trích “Dì Hảo”, Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt, Nam Cao, NXB Văn học, 2017)

Anh/ Chị viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích trên.

Chú thích:

* **Thạch Lam** (1910 - 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, là người đôn hậu tinh tế, rất thành công ở thể loại truyện ngắn. Thạch Lam chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ trữ tình.

* **Nam Cao** (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, là nhà văn lớn của trào lưu văn học hiện thực phê phán 1930 - 1945, là người có vẻ ngoài lạnh lùng nhưng đời sống nội tâm phong phú, có tấm lòng đôn hậu, chan chứa yêu thương. Nam Cao luôn đi sâu khai thác đời sống nội tâm, tinh thần nhân vật, sử dụng phương pháp độc thoại nội dung đầy khéo léo, tinh tế.

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản:

Cặp câu 6 chữ (câu lục) và 8 chữ (câu bát) lặp lại, với quy tắc gieo vần nối liền nhau: chữ cuối câu 6 vần với chữ thứ sáu của câu 8, và chữ cuối câu 8 vần với chữ cuối của câu 6 tiếp theo. Đó là dấu hiệu nhận biết thể thơ lục bát

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình : Anh/chàng trai

Câu 3. Em hiểu như thế nào về nội dung hai dòng thơ sau: "*Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê*"

- Gợi hình ảnh mộc mạc ,giản dị , thân thuộc , của con người, cuộc sống làng quê
- Tình yêu quê hương ;hãy giữ gìn bản chất và cội nguồn chân quê, đừng để những hào nhoáng của cuộc sống hiện đại làm mất đi những giá trị cốt lõi, mộc mạc và thuần khiết của mình. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ gìn vẻ đẹp truyền thống, sự chân thành và bản sắc cá nhân trong tâm hồn.

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong hai các dòng thơ sau:

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

-BPTT liệt kê: *yếm, dây lưng,áo tứ thân, khăn, quần*

- Tác dụng:

- + Tăng sức gợi hình , gợi cảm. Tăng hiệu quả diễn đạt
- + Nhấn mạnh sự mất mát, ko còn thấy những trang phục truyền thống của làng quê
- +Xót xa trước sự thay đổi / thất truyền của phong vị quê

Câu 5. Chàng trai thể hiện thái độ gì trong hai câu thơ sau:

*Nói ra sợ mất lòng em,
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.*

- Trân trọng , nâng niu, van nài.
- Yêu thương và khát khao giữ gìn nét đẹp truyền thống. Chàng trai sợ làm bạn gái buồn lòng nên mới thể hiện mong muốn một cách khéo léo, van nài cô giữ lại vẻ đẹp giản dị, mộc mạc như thuở ban đầu, không bị phai nhạt bởi lối sống ở thành phố. Đây là biểu hiện của tình yêu chân thành, quan tâm đến bản chất cốt lõi của người yêu.

Câu 6. Từ nội dung của văn bản, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện đại ngày nay. (Trả lời bằng đoạn văn 5-7 câu)

- Giữ liên hệ với quá khứ, trân trọng quá khứ
- Học được phẩm chất tốt đẹp: cần cù, chất phác, nhân ái
- Làm giàu đời sống tinh thần...

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

1.Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề.

2.Thân bài:

*** Khái quát chung:**

- **Giới thiệu hai tác giả hai tác phẩm:** Nếu Nam Cao là nhà văn xuất sắc của nền văn học hiện thực phê phán giai đoạn 1930-1945 thì Thạch Lam là nhà văn tiêu biểu của nhóm Tự lực văn

đoàn. Truyện ngắn “Hai lần chết” của và “Dì Hảo” là những tác phẩm tiêu biểu về đề tài người phụ nữ của hai nhà văn.

- **Khái quát điểm giống và điểm khác nhau:** Hai đoạn trích đã gặp nhau ở đề tài, tư tưởng chủ đề, hình tượng nhân vật cùng những nét độc đáo về nghệ thuật như ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ. Thế nhưng bên cạnh những - điểm giống nhau đó, hai đoạn trích, hai tác phẩm vẫn mang những nét độc đáo riêng biệt bởi lẽ người nghệ sĩ không lặp lại người khác và không lặp lại chính mình.

***So sánh, đánh giá hai tác phẩm:**

- **Luận điểm 1. Điểm giống nhau của hai đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.**

+ “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó.”. Hai trích đoạn truyện ngắn của Thạch Lam và Nam Cao đã gặp nhau trước tiên ở giá trị tư tưởng.

++ Cả hai đoạn trích đều viết về đề tài người nông dân nghèo mà cụ thể là người phụ nữ dưới chế độ phong kiến nửa thực dân. Qua số phận cuộc đời đầy đau khổ bất hạnh của người phụ nữ, Thạch Lam và Nam Cao lên tiếng tố cáo sự bất công ngang trái của xã hội và thể hiện sự cảm thông, xót xa, thương yêu cùng niềm trân trọng ngợi ca, bênh vực những người phụ nữ trong xã hội phong kiến nửa thực dân.

++ Hình tượng nhân vật trung tâm ở hai đoạn trích là Dì Hảo và Dung. Đó đều là những người phụ nữ có số phận cuộc đời bất hạnh. Từ nhỏ họ đã phải chịu cảnh thờ ơ, lạnh nhạt, thiếu thốn tình cảm của mẹ cha. Đến khi lớn lên, lấy chồng, họ đều phải lao động quần quật, chịu sự đánh đập, hành hạ.

+ Điểm giống về nghệ thuật: Cả hai đoạn trích đều sử dụng ngôi kể thứ ba, có sự kết hợp giữa các điểm nhìn như điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong, bút

pháp tả thực với cách miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, khiến nỗi đau của người phụ nữ càng được khắc sâu, tô đậm.

- **Luận điểm 2. Điểm khác nhau của hai tác phẩm/ đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.**

+ Văn học là lĩnh vực của sự độc đáo, chính vì thế ở mỗi một đoạn trích, người đọc đều cảm nhận được những nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật.

++ Đoạn trích “Hai lần chết” khắc họa số phận khổ đau, bất hạnh của nhân vật Dung trước sự ghẻ lạnh của mẹ đẻ và sự cay nghiệt của mẹ chồng. Nàng bị chính mẹ đẻ gả bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc và bị mẹ chồng đối xử không khác gì kẻ ăn người ở trong nhà. Đoạn trích “Dì Hảo” khắc họa số phận của một người phụ nữ bất hạnh, mồ côi cha, phải sớm đi làm con ở, phải chung sống với một người chồng cờ bạc, vũ phu, không những không được yêu thương mà còn bị khinh ghét, đánh đập. Đó còn là người phụ nữ phải chịu nỗi đau mất con, nỗi đau bị bệnh tật giày vò.

+ Điểm khác nhau về nghệ thuật: Đoạn trích “Hai lần chết” (Thạch Lam) có sự kết hợp - giữa điểm nhìn của người kể chuyện với điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong cùng với ngôn ngữ, giọng điệu của người kể chuyện, của nhân vật. Nhân vật Dung được khắc họa qua những đoạn đối thoại với nhân vật người mẹ chồng. Vì thế, đoạn văn có sự đan cài của ngôn ngữ và giọng điệu của nhân vật người mẹ. Còn trong đoạn trích “Dì Hảo” (Nam Cao) là sự kết hợp giữa điểm nhìn người kể

chuyện và điểm nhìn bên trong, cùng với ngôn ngữ nửa trực tiếp. Những câu văn còn là chính những dòng suy nghĩ, độc thoại nội tâm của nhân vật để từ đó giúp người đọc cảm nhận rõ hơn tâm trạng đau đớn, tủi cực của nhân vật dì Hảo. Bên cạnh đó, nếu nhân vật Dung được tô đậm bởi tình huống nàng trẫm mình xuống sông để tự tử: “Nàng hoa mặt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ,” thì nhân vật dì Hảo được tô đậm bởi chi tiết dì Hảo khóc: “Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt.”.

- Luận điểm 3. Lý giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa

+ “Hai lần chết” và “Dì Hảo” đều là hai tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn 1930 - 1945, vì thế, cả hai tác phẩm đều có chung bối cảnh đời sống xã hội.

+ Nam Cao và Thạch Lam đều là những nhà văn có tấm lòng nhân đạo cao cả, đều có chung quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh”.

+ Tuy nhiên, cả hai đều là những nhà văn lớn với phong cách nghệ thuật độc đáo. Vì thế, hai tác giả tạo được dấu ấn riêng cho mình trong cách nhìn, cách nghĩ, cách viết phải “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”.

+ Chính điểm gặp gỡ và nét độc đáo trong tư tưởng chủ đề, trong nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đã khẳng định giá trị tư tưởng nghệ thuật của hai đoạn trích nói riêng và hai tác phẩm nói chung. Từ đó, góp phần làm tỏa sáng cái tài, cái tâm của hai nhà văn, làm nên tính thống nhất, kế thừa, cùng sự phong phú đa dạng của văn học giai đoạn 1930 - 1945.

*** Đánh giá:**

- Hai đoạn văn tuy chỉ là hai lát cắt nhỏ trong thiên truyện ngắn của Nam Cao, Thạch Lam thế nhưng đã phản ánh chân thực số phận, cuộc đời của những người phụ nữ lao động nghèo khổ dưới chế độ xã hội phong kiến đầy những bất công ngang trái, từ đó cất lên tiếng nói tố cáo những quan niệm những định kiến cổ hủ về thân phận người phụ nữ trong xã hội, cùng sự thấu hiểu, cảm thông, trân trọng, yêu thương những người phụ nữ nhỏ bé, bất hạnh.

- Qua hai lát cắt trong “Hai lần chết” và “Dì Hảo”, người đọc càng thêm trân trọng tấm lòng và phong cách nghệ thuật độc đáo của hai bậc thầy truyện ngắn của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.

3. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

